

BẢN TIN VĂN BẢN

TÊN VĂN BẢN	NỘI DUNG	Trang
QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		
Thông tư 34/2019/TT-BLĐTBXH	Hướng dẫn quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.	1
Nghị định 20/2020/NĐ-CP	Thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với một số tập đoàn kinh tế, tổng công ty Nhà nước.	1
THUẾ, PHÍ LỆ PHÍ		
Công văn số 6684/CT-TTHT	Giao dịch liên kết	2-3
Công văn số 3353/CT-TTHT	Kê khai thuế nhà thầu đối với cá nhân kinh doanh nước ngoài	3-8
Thông tư 92/2019/TT-BTC	Sửa đổi Thông tư 72/2014/TT-BTC về hoàn thuế giá trị gia tăng	8
LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG		
Thông tư 35/2019/TT-BLĐTBXH	Quy định mức điều chỉnh tiền lương và thu nhập tháng đã đóng bảo hiểm xã hội	9



CÁC VĂN BẢN VỀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Ngày 30/12/2019, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư 34/2019/TT-BLĐTBXH hướng dẫn quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Theo đó, Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa xác định chỉ tiêu tính năng suất lao động và lợi nhuận như sau: Chỉ tiêu năng suất lao động bình quân (kế hoạch, thực hiện trong năm hoặc thực hiện của năm trước liền kề) được tính theo chỉ tiêu tổng doanh thu trừ tổng chi phí chưa có tiền lương; Chỉ tiêu lợi nhuận (kế hoạch, thực hiện trong năm hoặc thực hiện của năm trước liền kề) được thay bằng chỉ tiêu tổng doanh thu trừ tổng chi phí.

Khi xác định quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện của người lao động, Quỹ loại trừ các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến năng suất lao động, tổng doanh thu trừ tổng chi phí theo quy định của pháp luật.

Mức tiền lương bình quân kế hoạch của người quản lý khi Quỹ bảo đảm các điều kiện về năng suất lao động, vốn... bằng tổng của mức tiền lương cơ bản của người quản lý cộng với mức lương này nhân hệ số lương tăng thêm.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 15/02/2020.

Ngày 17/02/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định 20/2020/NĐ-CP về việc thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với một số tập đoàn kinh tế, tổng công ty Nhà nước.

Theo đó, thí điểm về quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng năm 2020 tại Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Tổng công ty Hàng không Việt Nam – CTCP, Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam như sau:

Các công ty phải xây dựng kế hoạch lao động làm cơ sở để tuyển dụng lao động. Đối với trường hợp tuyển dụng lao động vượt quá nhu cầu sử dụng, dẫn đến dư thừa phải chấm dứt hợp đồng lao động, làm tăng chi phí của công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm (kể cả việc giám trừ tiền lương, tiền thưởng) trước Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị của công ty.

Đáng chú ý, Chính phủ quy định mức lương cơ bản của Chủ tịch Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị của công ty loại 1 là 70 triệu đồng/tháng; Thành viên Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát là 60 triệu đồng/tháng; Kiểm soát viên là 50 triệu đồng/tháng. Trong đó, công ty loại 1 phải có vốn chủ sở hữu từ 10.000 tỷ đồng trở lên; doanh thu từ 30.000 tỷ đồng trở lên và có 10 đầu mỗi quản lý hoặc tổng số lao động sử dụng từ 5.000 người trở lên.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01/04/2020.

CÁC VĂN BẢN VỀ THUẾ, PHÍ LỆ PHÍ

Ngày 20/02/2020 Cục thuế thành phố Hà Nội ban hành công văn số 6684/CT-TTHT, Trả lời công văn không số nhận ngày 20/1/2020 của Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Thái Bình An Giang hỏi về giao dịch liên kết, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Nghị định 20/2017/NĐ-CP ngày 24/2/2017 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết

+ Tại Khoản 3 Điều 4 giải thích từ ngữ

“Điều 4. Giải thích từ ngữ

...3. “Giao dịch liên kết” là giao dịch phát sinh giữa các bên có quan hệ liên kết trong quá trình sản xuất, kinh doanh, bao gồm: Mua, bán, trao đổi, thuê, cho thuê, mượn, cho mượn, chuyển giao, chuyển nhượng máy móc, thiết bị, hàng hóa, cung cấp dịch vụ; vay, cho vay, dịch vụ tài chính, đảm bảo tài chính và các công cụ tài chính khác; mua, bán, trao đổi, thuê, cho thuê, mượn, cho mượn, chuyển giao, chuyển nhượng tài sản hữu hình, tài sản vô hình và thỏa thuận sử dụng chung nguồn lực như hợp lực, hợp tác khai thác sử dụng nhân lực; chia sẻ chi phí giữa các bên liên kết.”

+ Tại Điều 5 quy định các bên có quan hệ liên kết

“Điều 5. Các bên có quan hệ liên kết

1. Các bên có quan hệ liên kết (sau đây viết tắt là “bên liên kết”) là các bên có mối quan hệ thuộc một trong các trường hợp:

a) Một bên tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát, góp vốn hoặc đầu tư vào bên kia;

b) Các bên trực tiếp hay gián tiếp cùng chịu sự điều hành, kiểm soát, góp vốn hoặc đầu tư của một bên khác.

2. Các bên liên kết tại khoản 1 Điều này được quy định cụ thể như sau:

...i) Một hoặc nhiều doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của một cá nhân thông qua vốn góp của cá nhân này vào doanh nghiệp đó hoặc trực tiếp tham gia điều hành doanh nghiệp;...”

+ Tại Khoản 3 Điều 8 quy định xác định chi phí để tính thuế trong một số trường hợp cụ thể đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết đặc thù

“Điều 8. Xác định chi phí để tính thuế trong một số trường hợp cụ thể đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết đặc thù

...3. Tổng chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ của người nộp thuế được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp không vượt quá 20% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng với chi phí lãi vay, chi phí khấu hao trong kỳ của người nộp thuế.

CÁC VĂN BẢN VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Quy định này không áp dụng với người nộp thuế là đối tượng áp dụng của Luật các tổ chức tín dụng và Luật kinh doanh bảo hiểm.

Người nộp thuế kê khai tỷ lệ chi phí lãi vay trong kỳ tính thuế theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.”

Căn cứ các quy định trên, Cục Thuế TP Hà Nội trả lời theo nguyên tắc như sau:

Trường hợp Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thái Bình An Giang (sau đây gọi tắt là Công ty) vay tiền từ các cá nhân là thành viên Hội đồng thành viên có tham gia điều hành Công ty (kể cả trường hợp không tính lãi vay) thì Công ty đã phát sinh giao dịch liên kết theo quy định tại Điều 4 Nghị định 20/2017/NĐ-CP nêu trên. Do vậy, Công ty thực hiện xác định chi phí lãi vay được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 Nghị định 20/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính Phủ.

Hiện nay, Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế đang trong quá trình tiếp nhận, tổng hợp vướng mắc, kiến nghị phát sinh trong việc thực hiện Nghị định số 20/2017/NĐ-CP nói chung và quy định tại Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP nói riêng để báo cáo Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 20/2017/NĐ-CP. Trường hợp có hướng dẫn khác với nội dung hướng dẫn trên, Cục Thuế TP Hà Nội sẽ hướng dẫn Công ty thực hiện.

Ngày 21/01/2020 Cục thuế thành phố Hà Nội ban hành công văn số 3353/CT-TTHT, Trả lời công văn không số đề ngày 31/10/2019 và công văn số 022019/CV-Relyon đề ngày 03/12/2019 của Công ty TNHH Dịch vụ Công nghệ thông tin Relyon (sau đây gọi là "Công ty") hỏi về chính sách thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 1 Chương 1 Nghị định 90/2007/NĐ-CP ngày 31/5/2007 của Chính phủ quy định:

“1. Thương nhân nước ngoài là thương nhân được thành lập, đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật nước ngoài hoặc được pháp luật nước ngoài công nhận”

- Căn cứ Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân.

+ Tại Điều 1 quy định về Người nộp thuế (đã được sửa đổi bổ sung tại Điều 2 Thông tư 119/2014/TT-BTC):

“Điều 1. Người nộp thuế

Người nộp thuế là cá nhân cư trú và cá nhân

CÁC VĂN BẢN VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

không cư trú theo quy định tại Điều 2 Luật Thuế thu nhập cá nhân, Điều 2 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân (sau đây gọi tắt là Nghị định số 65/2013/NĐ-CP), có thu nhập chịu thuế theo quy định tại Điều 3 Luật Thuế thu nhập cá nhân và Điều 3 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP...”

+ Tại Điều 2 quy định các khoản chịu thuế TNCN:

“Theo quy định tại Điều 3 Luật Thuế thu nhập cá nhân và Điều 3 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP, các khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm:

1. Thu nhập từ kinh doanh

Thu nhập từ kinh doanh là thu nhập có được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

a) Thu nhập từ sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc tất cả các lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật như: sản xuất, kinh doanh hàng hóa; xây dựng; vận tải; kinh doanh ăn uống; kinh doanh dịch vụ, kể cả dịch vụ cho thuê nhà, quyền sử dụng đất, mặt nước, tài sản khác...”

- Căn cứ Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế GTGT và thuế TNCN đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh.

+ Tại Điều 1 quy định người nộp thuế:

“1. Người nộp thuế theo hướng dẫn tại Chương I Thông tư này là cá nhân cư trú bao gồm cá nhân, nhóm cá nhân và hộ gia đình có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc tất cả các lĩnh vực, ngành nghề sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật (sau đây gọi là cá nhân kinh doanh). Lĩnh vực, ngành nghề sản xuất, kinh doanh bao gồm cả một số trường hợp sau:

2. Người nộp thuế nêu tại khoản 1 Điều này không bao gồm cá nhân kinh doanh có doanh thu từ 100 triệu đồng/năm trở xuống.”

+ Tại Điều 3 quy định phương pháp tính thuế đối với cá nhân kinh doanh nộp thuế theo từng lần phát sinh:

“1. Nguyên tắc áp dụng



a) Cá nhân kinh doanh nộp thuế theo từng lần phát sinh gồm: cá nhân cư trú có phát sinh doanh thu kinh doanh ngoài lãnh thổ Việt Nam; cá nhân kinh doanh không thường xuyên và không có địa điểm kinh doanh cố định; cá nhân hợp tác kinh

CÁC VĂN BẢN VỀ THUẾ XUẤT NHẬP KHẨU

doanh với tổ chức theo hình thức xác định được doanh thu kinh doanh của cá nhân.

...b) Đối với cá nhân kinh doanh nộp thuế theo từng lần phát sinh thì mức doanh thu 100 triệu đồng/năm trở xuống để xác định cá nhân không phải nộp thuế giá trị gia tăng, không phải nộp thuế thu nhập cá nhân là tổng doanh thu từ kinh doanh, trong năm dương lịch.

...b) Tỷ lệ thuế tính trên doanh thu

Tỷ lệ thuế giá trị gia tăng, tỷ lệ thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân nộp thuế từng lần phát sinh áp dụng như đối với cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Điều 2 Thông tư này....”

+ Tại Điểm b.1 Khoản 2 Điều 2 và Điểm 2 Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn:

“b.1) Tỷ lệ thuế tính trên doanh thu bao gồm tỷ lệ thuế giá trị gia tăng và tỷ lệ thuế thu nhập cá nhân áp dụng đối với từng lĩnh vực ngành nghề như sau:

- Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: tỷ lệ thuế giá trị gia tăng là 5%; tỷ lệ thuế thu nhập cá nhân là 2%...”

“Dịch vụ tư vấn, thiết kế, giám sát thi công xây dựng cơ bản; Các dịch vụ khác thuế suất tỷ lệ % tính thuế GTGT là 5%, thuế suất thuế TNCN là 2%”

+ Tại Điều 7 quy định khai thuế, nộp thuế đối với cá nhân kinh doanh nộp thuế theo từng lần phát sinh:

“1. Nguyên tắc khai thuế

a) Cá nhân kinh doanh nộp thuế từng lần phát sinh khai thuế giá trị gia tăng; thuế thu nhập cá nhân theo từng lần phát sinh nếu có tổng doanh thu trong năm dương lịch trên 100 triệu đồng.

...2. Hồ sơ khai thuế

Hồ sơ khai thuế đối với cá nhân kinh doanh nộp thuế theo từng lần phát sinh gồm:

- Tờ khai theo mẫu số 01/CNKD ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bản chụp hợp đồng kinh tế cung cấp hàng hóa, dịch vụ;

- Bản chụp biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng;

- Bản chụp tài liệu chứng minh nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa như: Bảng kê thu mua hàng nông sản nếu là hàng hóa nông sản trong nước; Bảng kê hàng hóa mua-bán, trao đổi của cư dân biên giới nếu là hàng cư dân biên giới nhập khẩu; Hóa đơn của người bán hàng giao cho nếu là hàng hóa nhập khẩu mua của tổ chức, cá nhân kinh doanh trong nước; tài liệu liên quan để chứng minh nếu là hàng hóa do cá nhân tự sản xuất,...

- Trường hợp cá nhân kinh doanh theo hình thức hợp tác kinh doanh ủy quyền cho tổ chức kê khai thuế, nộp thuế thay thì tổ chức khai thuế thay theo

CÁC VĂN BẢN VỀ THUẾ, PHÍ LỆ PHÍ

tờ khai số 01/CNKD kèm theo Phụ mẫu số 01-1/BK-CNKD ban hành kèm theo Thông tư này và bản chụp hợp đồng hợp tác kinh doanh (nếu là lần khai thuế đầu tiên của hợp đồng)...”

- Căn cứ Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam:

+ Tại khoản 1 Điều 1 quy định đối tượng áp dụng:

“1. Tổ chức nước ngoài kinh doanh có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam; cá nhân nước ngoài kinh doanh là đối tượng cư trú tại Việt Nam hoặc không là đối tượng cư trú tại Việt Nam (sau đây gọi chung là Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài) kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng; thỏa thuận, hoặc cam kết giữa Nhà thầu nước ngoài với tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc giữa Nhà thầu nước ngoài với Nhà thầu phụ nước ngoài để thực hiện một phần công việc của Hợp đồng nhà thầu.”

+ Tại Khoản 2, Điều 5 quy định các loại thuế áp dụng:

“2. Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài là cá nhân nước ngoài kinh doanh thực hiện nghĩa vụ thuế GTGT theo hướng dẫn tại Thông tư này, thuế thu nhập cá nhân TNCN)

theo pháp luật về thuế TNCN”.

+ Tại Điều 8 Mục 2 Chương II quy định đối tượng và điều kiện áp dụng nộp thuế GTGT, TNDN theo phương pháp kê khai:

“Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, nộp thuế TNDN trên cơ sở kê khai doanh thu, chi phí để xác định thu nhập chịu thuế nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Có cơ sở thường trú tại Việt Nam, hoặc là đối tượng cư trú tại Việt Nam;

2. Thời hạn kinh doanh tại Việt Nam theo hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ từ 183 ngày trở lên kể từ ngày hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ có hiệu lực;

3. Áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và thực hiện đăng ký thuế, được cơ quan thuế cấp mã số thuế.”

+ Tại Điều 11 Mục 3 Chương II quy định đối tượng và điều kiện áp dụng nộp thuế GTGT, TNDN theo phương pháp tỷ lệ tính trên doanh thu:

“Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài không đáp ứng được một trong các điều kiện nêu tại Điều 8 Mục 2 Chương II thì Bên Việt Nam nộp



CÁC VĂN BẢN VỀ THUẾ, PHÍ LỆ PHÍ

thay thuế cho Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài theo hướng dẫn tại Điều 12, Điều 13 Mục 3 Chương II”.

+ Tại Điểm a Khoản 2 Điều 12 Mục 3 quy định thuế GTGT:

“a) Tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu đối với ngành kinh doanh:

- Dịch vụ, cho thuê máy móc thiết bị, bảo hiểm; xây dựng, lắp đặt không bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị là 5%”

- Căn cứ Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/06/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế:

+ Tại Khoản 1 Điều 2 quy định về người nộp thuế:

“1. Người nộp thuế là các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân sau:

g) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm khấu trừ và nộp thuế thay cho nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài; tổ chức có hợp đồng hoặc văn bản hợp tác kinh doanh với cá nhân nộp thay cho cá nhân (sau đây gọi là tổ chức,... cá nhân khấu trừ nộp thay)... ”

+ Tại Khoản 3 Điều 5 quy định việc cấp và sử dụng mã số thuế:

“... c) Cấp mã số thuế cho doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, cá nhân có trách

nhiệm khấu trừ, nộp thuế thay cho nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài; tổ chức, cá nhân được cơ quan thuế ủy nhiệm thu; tổ chức nộp thay cho cá nhân hợp đồng, hợp tác kinh doanh (sau đây gọi tắt là mã số thuế nộp thay) như sau:

c1) Doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân là Bên Việt Nam ký hợp đồng với nhà thầu hoặc thanh toán trực tiếp cho nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài không đăng ký nộp thuế trực tiếp với cơ quan thuế thì Bên Việt Nam có trách nhiệm đăng ký thuế và được cấp thêm một mã số thuế 10 số để sử dụng cho việc kê khai, nộp thuế thay cho các nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài.”

+ Tại Khoản 4 Điều 7 quy định về hồ sơ đăng ký thuế:

“4. Đối với người nộp thuế là tổ chức, cá nhân khấu trừ nộp thay quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 2 Thông tư này, hồ sơ đăng ký thuế gồm:

- Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 04.1-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bảng kê các nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế thông qua Bên Việt Nam mẫu số 04.1-ĐK-TCT-BK (đối với trường hợp Bên Việt Nam nộp thay thuế nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài).

- Bản sao hợp đồng hợp tác kinh doanh (đối với trường hợp tổ chức nộp thay cho cá nhân hợp đồng, hợp tác kinh doanh).”

Căn cứ các quy định trên, trường hợp Công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn phát triển phần mềm với cá nhân người nước ngoài là thương

CÁC VĂN BẢN VỀ THUẾ, PHÍ LỆ PHÍ

nhân, có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật nước ngoài hoặc các giấy tờ chứng minh là thương nhân được pháp luật nước ngoài công nhận (các giấy tờ, tài liệu nước ngoài khi sử dụng ở Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật) thì xác định là cá nhân kinh doanh, thu nhập từ hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn phát triển phần mềm của cá nhân chịu thuế nhà thầu đối với thu nhập từ kinh doanh. Công ty có trách nhiệm khấu trừ và khai thay, nộp thay thuế GTGT, thuế TNCN cho cá nhân kinh doanh người nước ngoài theo mẫu tờ khai số 01/CNKD ban hành tại Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính.

Hồ sơ đăng ký thuế đối với trường hợp người nộp thuế là tổ chức, cá nhân khấu trừ nộp thay thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 7 Thông tư số 95/2016/TT-BTC nêu trên.

Từ 01/7/2020, hàng hóa được hoàn thuế GTGT phải đáp ứng nhiều điều kiện mới, Đây là nội dung mới được Bộ Tài chính thay đổi tại Thông tư 92/2019/TT-BTC về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư 72/2014/TT-BTC quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh ngày 31/12/2019.

Theo đó, từ ngày Thông tư này có hiệu lực, hàng hóa được hoàn thuế giá trị gia tăng là hàng hóa đáp ứng điều kiện sau: Hàng hóa

mua tại doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng, chưa qua sử dụng, còn nguyên đai, nguyên kiện khi mua hàng, có hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế được lập trong thời gian tối đa 60 ngày tính đến ngày người nước ngoài xuất cảnh.

Đây là nội dung mới so với Thông tư 72/2014/TT-BTC, theo quy định cũ, hàng hóa được hoàn thuế giá trị gia tăng chỉ cần là hàng hóa mua tại Việt Nam, có hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế được lập trong thời gian tối đa 60 ngày tính đến ngày người nước ngoài xuất cảnh.

Đáng chú ý, để được lựa chọn là doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng, từ ngày 01/7/2020, doanh nghiệp phải cam kết tham gia vào Hệ thống quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài. Đây là Hệ thống tích hợp, lưu trữ, trao đổi thông tin liên quan đến việc hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân do Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm xây dựng, quản lý và vận hành.

Thông tư có hiệu lực từ 01/7/2020.



CÁC VĂN BẢN VỀ LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG

Từ 2020, điều chỉnh tiền lương và thu nhập tháng đã đóng BHXH, đây là nội dung mới được Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành tại Thông tư 35/2019/TT-BLĐTBXH về việc quy định mức điều chỉnh tiền lương và thu nhập tháng đã đóng bảo hiểm xã hội ngày 30/12/2019.

Theo đó, đối tượng điều chỉnh tiền lương đã đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) bao gồm: Người lao động thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định bắt đầu tham gia BHXH từ 01/01/2016 trở đi, hưởng BHXH một lần hoặc bị chết mà thân nhân được hưởng trợ cấp tuất một lần trong thời gian từ 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020...

Trong đó, mức điều chỉnh tiền lương đã đóng BHXH của năm tương ứng như sau: Trước năm 1995 mức điều chỉnh là 4,85; năm 1995 mức điều chỉnh là 4,12; năm 2000 mức điều chỉnh là 3,41; năm 2005 mức điều chỉnh là 2,73; năm 2010 mức điều chỉnh là 1,64; năm 2016 mức điều chỉnh là 1,10; năm 2019 và năm 2020 là 1,00.

Đặc biệt, đối với người lao động vừa có thời gian đóng BHXH thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định, vừa có thời gian đóng BHXH theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định thì tiền lương tháng đóng BHXH đối với người lao động bắt đầu tham gia BHXH theo chế độ tiền lương do Nhà nước quy định từ ngày 01/01/2016 trở đi và tiền lương tháng đã đóng BHXH theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định được điều chỉnh theo mức trên.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 15/02/2020.



Bản thông tin cập nhật văn bản hàng tháng này được cung cấp cho khách hàng và toàn bộ nhân viên của ASA. Nội dung của bản cập nhật chỉ có tính chất tham khảo. Người đọc cần liên hệ với chuyên viên tư vấn trước khi sử dụng bất cứ thông tin nào trong bản tin.



THÔNG TIN LIÊN HỆ

BAN TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ KH:

Ông: Đỗ Quốc Việt
Phó Tổng Giám đốc
Tel: 0919 858 626
Email: vietdq.audit@gmail.com

Ông: Phạm Văn Biện
Phó Tổng Giám Đốc
Tel: 0943 388 828
Email:
phamvanbien2807@gmail.com

Ông: Lê Đức Minh
Phó Tổng Giám Đốc
Tel: 0915 025 044
Email: leducminhkh@gmail.com

Ông Nguyễn Mạnh Hùng
Phó Tổng Giám Đốc
Tel: 0931 236 226
Email: hungnm.asa@gmail.com

VĂN PHÒNG:
Tầng tòa 262 Nguyễn Huy Tường,
Thanh Xuân, Hà Nội
Phone: 024 3858 1122
Fax: 024 3858 5533
Email: kiemtoanasa@gmail.com
Website: www.asa-audit.com

Công ty TNHH Kiểm toán Châu Á (ASA) là một tổ chức tư vấn hợp pháp chuyên ngành Kiểm toán - Kế toán - Thuế - Tài chính, được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Giấy phép số 0102000577, cấp ngày 24 tháng 07 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội.

Nguyên tắc hoạt động

"Độc lập, khách quan và bí mật nghề nghiệp"

Phương châm hoạt động

"Uy tín và chất lượng là tiêu chí khẳng định thương hiệu ASA"

Slogan

"Hướng tới sự phát triển bền vững"

Cam kết dịch vụ

ASA đã và đang thực hiện cung cấp các dịch vụ kiểm toán và tư vấn cho hàng trăm khách hàng hoạt động trên phạm vi toàn lãnh thổ Việt Nam thuộc nhiều lĩnh vực hoạt động. Với sự am hiểu về hệ thống luật pháp của Việt Nam cùng với thái độ làm việc nghiêm túc và sự hiểu biết sâu sắc về đặc điểm hoạt động kinh doanh của mỗi khách hàng, ASA cam kết sẽ mang đến những dịch vụ tốt nhất.

Nhân sự ASA

Đội ngũ nhận sự với phong cách chuyên nghiệp, có chiều sâu về kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm nghề nghiệp, được đào tạo bài bản trong và ngoài nước, tốt nghiệp đại học và sau đại học chuyên ngành về kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh tế xây dựng và luật học.